TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** Số: 43 /2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 02 tháng 06 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mạc Thị T - SN: 1990

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường T, TP C, tỉnh H

Bị đơn: anh Trương Văn L – SN: 1989

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Trương Đan H –SN: 03/06/2009.

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư M, phường T, TP C, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mạc Thị T và anh Trương Văn L**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị T và anh Trương Văn L đều xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Mạc Thị T và anh Trương Văn L xác định sinh được một cháu tên là Trương Đan H - SN: 03/06/2009.

Chị Mạc Thị T và anh Trương Văn L tự nguyện tự thỏa thuận với nhau: giao cháu Trương Đan H– SN: 03/06/2009 cho chị Mạc Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh

Trương Văn L tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng với chị T mỗi tháng là 1.500.000 đồng/1 tháng. Kể từ tháng 06/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức: Chị Mạc Thị T và anh Trương Văn L xác định anh chị không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Mạc Thị T tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000393 ngày 27/04/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã V*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn T